

Số: /TB-YTKR

Kon Rẫy, ngày 18 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời cung cấp báo giá gói thầu: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành quy định thẩm quyền quyết định và phân cấp quyết định phê duyệt một số nội dung trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 122/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Kế hoạch số 517/KH-YTKR ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy về việc mua sắm hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm và vật tư tiêu hao y tế năm 2025;

Để có cơ sở lập dự toán gói thầu: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025. Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy thông báo đến các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật, cung cấp báo giá theo thông tin cụ thể như sau:

I. Thông tin danh mục đề nghị lấy báo giá: Có phụ lục chi tiết kèm theo

II. Hồ sơ báo giá gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Số lượng báo giá: 01 bản gốc¹.

Báo giá tính đủ chi phí, bảo hành, bảo trì... và các loại thuế, phí liên quan; ghi đầy đủ thông tin thiết bị theo quy định và được ký, đóng dấu của người đại diện pháp luật.

III. Thời gian nhận báo giá:

¹ Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá, phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Từ ngày 19 tháng 4 năm 2025 đến hết ngày 28 tháng 4 năm 2025 (tiếp nhận trong giờ hành chính theo dấu công văn đến).

IV. Hình thức và địa chỉ nhận báo giá: Gửi trực tiếp đến Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum (Địa chỉ: Thôn 13, Xã Đăk Ruông, Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum).

Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy thông báo để các đơn vị biết, quan tâm gửi báo giá theo thông tin và địa chỉ như trên./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo TTYT;
- Khoa Dược-TTB-VTTYT;
- Phòng TCHC-TCKT (đăng tải trang thông tin điện tử TTYT huyện Kon Rẫy);
- Lưu: VT, KD-TTB-VTTYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Luận

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Thông báo số: /TB-YTKR ngày 18/4/2025 của Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy)

Số TT	Danh mục/hàng hóa	Đặc tính/Thông số kỹ thuật nếu có	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá VNĐ	Thành tiền VNĐ
1	Dung dịch Isotonac 3	Thùng/20 lít. Thành phần hoá chất: Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Sodium chloride - Sodium sulfate - Chất đệm phosphate - Chất bảo quản Hiệu suất: - PH = $7,0 \pm 0,2$ ($25^{\circ} \text{ C} \pm 1^{\circ} \text{ C}$); p= $18,0 \pm 0,5\text{ms/cm}$ ($25^{\circ} \text{ C} \pm 1^{\circ} \text{ C}$); - Osm = $293 \pm 10\text{mOsm/Kg}$; Số hạt đếm $\leq 2,5 \times 10^5$ /L	Thùng	15		
2	Dung dịch Hemolynac 3N	Chai/500ml. Thành phần hoá chất: Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Quaternary ammonium salt - Chất đệm - Sodium sulfate Hiệu suất: - PH = $7,2 \pm 0,5$ ($25^{\circ} \text{ C} \pm 1^{\circ} \text{ C}$); Đo trắng: WBC $\leq 0,5 \times 10^9$ /L; HGB $\leq 2\text{g/L}$	Chai	11		
3	Dung dịch Cleanac	Bình/5 lít. Thành phần hoá chất: Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Alkaline protease - Chất đệm - Chất hoạt động bề mặt - Chất bảo quản Hiệu suất: - PH = $8,4 \pm 0,3$ ($25^{\circ} \text{ C} \pm 1^{\circ} \text{ C}$); Đo trắng: $\leq 2,5 \times 10^5$ /L	Bình	5		
4	Dung dịch Cleanac 3	Bình/5 lít. Thành phần hoá chất: Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm:	Bình	1		

		dụng gồm: - Sodium hypochlorite Hiệu suất: - PH $\geq 11,0$ (25° C $\pm$ 1° C)				
5	CBC - 3D (máu chuẩn)	Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 1 mức Trung bình	Hộp	4		
6	CBC - 5ND (máu chuẩn)	Nội kiểm cho máy huyết học. 3 mức: Thấp, trung bình, cao.	Hộp	2		
7	Hemolynac 510	Chai/500ml. Thành phần hoá chất: Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Quaternary ammonium salt - Sodium chloride - Buffer Hiệu suất: - PH =8,1 $\pm$ 0,5(25° C $\pm$ 1° C); Đo trắng: WBC $\leq$ 0,5x10 ⁹ /L; HGB $\leq$ 2g/L	Chai	1		
8	Dung dịch Diluent	Dung tích:20L.Thành phần hoá chất: Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Sodium chloride - Chất đệm phosphate - Chất bảo quản Hiệu suất: - PH = 7,0 $\pm$ 0,2 (25° C $\pm$ 1° C); p= 18,0 $\pm$ 0,5ms/cm (25° C $\pm$ 1° C); Osm = 295 $\pm$ 10mOsm/Kg; Số hạt đếm $\leq$ 2,5 $\times$ 10 ⁵ /L	Thùng	30		
9	Dung dịch Lyse	Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Quaternary ammonium salt - Buffer Hiệu suất: - PH $\geq$ 9.0 (25° C $\pm$ 1° C); Đo trắng: WBC $\leq$ 0,5 x 10 ⁹ /L; HGB $\leq$ 2g/L	Chai	20		
10	Dung dịch Rinse	Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Sodium chloride - Sodium sulfate - Surfactant	Thùng	10		

		- Chất bảo quản Hiệu suất: - PH > 11,0 (25° C ± 1° C)				
11	Dung dịch E-Z Cleanser	- Thành phần hoá chất: Hoá chất ở dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng gồm: - Alkaline protease - Buffer - Surfactant - Chất bảo quản Hiệu suất: - PH = 8,4 ± 0,3(25° C ± 1° C); Đo trắng: WBC ≤ 0,5 x 10⁹ /L; - RBC ≤ 0,05x10¹²/L; PLT ≤ 10x 10⁹ /L; HGB ≤ 2g/L	Lọ	4		
12	Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin. Thành phần: - Bromcresol Green : ≤ 0.3 mmol/L - Buffers, Stabilizers Tuyển tính: 8 g/dL	Hộp	2		
13	α-Amylase	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase. Thành phần: - Calcium Acetat : ≤ 7,8 mmol/L - NaOH : ≤ 39 mmol/L - Potassium Thiocyanate : ≤ 100 mmol/L - 2-Chloro 4 Nitrophenyl-α-maltotriose : ≤ 2.5 mmol/L Tuyển tính: 3300 U/L	Hộp	2		
14	GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng GOT (AST). Thành phần: - Tris buffer ≤ 90 mM pH 7.65, - L-aspartate ≤ 250 mM, - 2-Oxoglutarate ≤ 14 mM, - NADH ≤ 0.18 mM, - MDH ≥ 600 U/L, - LDH ≥ 900 U/L. Tuyển tính: 440 U/L	Hộp	4		
15	GPT	Hóa chất xét nghiệm định lượng GPT (ALT). Thành phần:	Hộp	4		

		- Tris buffer : ≤ 120 mM pH 7.15 - L-Alanine : ≤ 550 mM - 2-Oxoglutarate : ≤ 18 mM - NADH : ≤ 0.18 mM - LDH : ≥ 1700 U/L Tuyến tính: 500 U/L				
16	Calcium	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Canxi toàn phần. Thành phần: - Arsenazo (III): ≤ 0.2 mmol - Good's buffer: ≤ 50 mmol - pH 6,8 - Stabilizers Tuyến tính: 20 mg/dL	Hộp	4		
17	Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine. Thành phần: + R1: - Carbonate Buffer : ≤ 120 mmol/L - Sodium Hydroxide : ≤ 360 mmol/L + R2: - Picric Acid : ≤ 7.8 mmol/L Tuyến tính: 20 mg/dL	Hộp	4		
18	Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần. Thành phần: - Good's buffer : pH 7.2 - sodium cholate : ≤ 8.3 mM - CHE : ≥ 400 U/L - CHOD : ≥ 200 U/L - POD : ≥ 500 U/L - 4-AAP : ≤ 0.8 mM - 4-chlorophenol : ≤ 2.4 mM Tuyến tính: 700 mg/dL	Hộp	4		
19	HDL Cholesterol Direct	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol. Thành phần: + R1: - Dextran Sulfate ≤ 10gr/dL - Magnesium Chloride Hexahydrate ≤ 5gr/dL	Hộp	2		

		Preservative Brij 35 $\leq 10\text{gr/dL}$ + R2: Detergent $\leq 2\%$ PEG - Cholesterol Esterase $\leq 5\text{ KU/L}$ PEG - Cholesterol Oxidase $\leq 5\text{ KU/L}$ 4 AAP $\leq 1\text{gr/dL}$ Peroxidase $\leq 8000\text{ U/L}$ Tuyền tính: 200mg/dL				
20	LDL Cholesterol Direct	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol. Thành phần: + R1: Polyanion detergent 1 Cholesterol esterase $\leq 200.000\text{ U/L}$ Cholesterol oxidase $\leq 200.000\text{ U/L}$ Peroxidase $\leq 200.000\text{ U/L}$ 4-aminoantipyrine TOOS + R2: Detergent 2 TOOS Tris Buffer Tuyền tính: 600mg/dL	Hộp	2		
21	CRP	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ CRP. Thành phần: R1: Glycine buffer $\leq 0.12\text{ mol/L}$ Sodium azide $\leq 0.99\text{ g/L}$ pH 8.6 R2: Suspension of latex particles coated with anti-human CRP antibodies Sodium azide $\leq 0.99\text{ g/L}$	Hộp	2		
22	HbA1c	Thuốc thử chẩn đoán xác định nồng độ HbA1c. Thành phần: - R1: Latex: $< 0,15\%$; Buffer; Stabilizers.	Hộp	2		

		- R2: Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody < 0.06 mg/mL, goat antimouse IgG polyclonal antibody < 0.09 mg/dL, Buffer, stabilizers. - R3 Lyse: Stabilizers, Buffers, lysing agent, water. Tuyến tính: 15%				
23	Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose. Thành phần: - Phosphate buffer pH 6.50 $\leq$ 240 mM, - GOD $\geq$ 15000 U/L, - POD $\geq$ 500 U/L, - 4-AAP $\leq$ 1 mM, - Phenol $\leq$ 15 mM, - Surfactant Tuyến tính: 400 mg/dL	Hộp	4		
24	Triglyceride	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides. Thành phần: - 4-chlorophenol : 2.7 mM - 4-AAP : 0.3 mM - ATP : 2 mM - GK : > 1000 U/L - POD : > 1000 U/L - LPL : > 2000 U/L - GPO : > 5000 U/L - Good's buffer pH 7.20 : 50 mM - surfactants Tuyến tính: 1000 mg/dL	Hộp	4		
25	Uric Acid	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric. Thành phần: - Phosphate : $\leq$ 120 mmol/L - Detergent : $\leq$ 1.8 g/L - Dichlorophenolsulfonate : $\leq$ 4.4 mmol/L - Uricase : > 0.12 U/mL - Ascorbate oxidase : > 5 U/mL - Peroxidase : > 1 U/mL - 4-aminoantipyrine : $\leq$ 0.6 mmol/L - pH : 7.8	Hộp	4		

		Tuyến tính: 25 mg/dL				
26	Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea. Thành phần: 120 mM pH 7.60, - 2-Oxoglutarate $\leq$ 8 mM, - ADP $\leq$ 1.6 mM, - Urease $>$ 8 KU/L, - GLDH $>$ 800 U/L, - NADH $\leq$ 0.60 mM, - Stabilizers Tuyến tính: 1 - 300 mg/dL	Hộp	2		
27	GGT (Gama GT)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ gamma GT. Thành phần: - Tris buffer $\leq$ 100 mM - pH 8.25, - Glycylglycine $\leq$ 100 mM, L-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide $\leq$ 5 mM Tuyến tính: 500 U/L	Hộp	2		
28	Calibrator	Dùng để kiểm soát chất lượng và hiệu chuẩn các thông số được nêu trong bảng giá trị.	Lọ	16		
29	Control Level 1	Chất kiểm chuẩn mức bình thường	Lọ	16		
30	Control Level 2	Chất kiểm chuẩn mức cao	Lọ	16		
31	Wash Solution	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa. Thành phần: Sodium hydroxide $\leq$ 2%, Polyethylene glycol (PEG), Sodium lauryl ether sulphate (SLES), nước, phụ gia an toàn khác.	Can	2		
32	ASLO	Xét nghiệm nhanh ngưng kết latex để sàng lọc định tính và xác định bán định lượng kháng thể kháng streptolysin O (ASO) trong huyết thanh người.	Hộp	10		
33	Anti A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. Hiệu giá $>$ 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Lọ	2		
34	Anti B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào	Lọ	2		

		dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485				
35	Anti AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Lọ	2		
36	Alcohol (Ethanol)	Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD+, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard.	Hộp	1		
37	Dengue IgG/IgM	Định tính phát hiện các kháng thể kháng vi rút Dengue(IgG/IgM). - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 97.3%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: 96.9%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% - Vùng cộng hợp: Kháng nguyên Dengue(A2302) tái tổ hợp kháng kháng nguyên Dengue(A2313)tái tổ hợp&IgG thỏ - Vạch kết quả M:Kháng thể chuột kháng IgM người - Vạch kết quả G: Kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch chứng:Kháng thể dê kháng IgG thỏ - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm HAV, HEV, HBV, HCV, HIV, H.pylori...	Test	300		
38	Dengue NS1Ag	Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 (DEN1, 2, 3, 4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người Ngưỡng phát hiện: 0,25ng/ml Độ nhạy tương quan: 100% ; Độ đặc hiệu tương quan: 99.6% Độ chính xác tương quan: 99.7 % - Thành phần: - Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng Dengue Ag	Test	3000		

		- Vạch kết quả: Kháng thể thử kháng Dengue Ag - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Zika, Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB , H.pylori.				
39	Morphin	Que thử xét nghiệm định tính MET/THC/AMP/MOP. Nồng độ được thể hiện như sau: AMP: 1000 ng/mL MET: 1000 ng/mL MOP: 300 ng/mL THC: 50 ng/mL Hiệu suất Que thử xét nghiệm định tính MET/THC/AMP/ MOP (Nước tiểu) tại điểm giới hạn không bị ảnh hưởng khi phạm vi pH của mẫu nước tiểu ở mức 3,0 đến 8,5 và phạm vi trọng lượng riêng của mẫu nước tiểu ở gần 1,005 đến 1,03 Hộp/25 test	Test	150		
40	Test HBsAg	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.88% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 - Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml	Test	500	7.626	
41	Test HCV	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100 % - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng Igg người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vạch chứng IgG người - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	150	9.600	
42	HAV(HAV Ab test nhanh)	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HAV	Test	300	34.000	

		- Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 90,6% , Độ đặc hiệu tương quan: 97,6% Khay thử bao gồm: 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HAV (cộng hợp HAV Ag) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát, 2. Một màng Nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch kết quả T được phủ sẵn bởi kháng thể chuột kháng IgM người và vạch chứng C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát - Không phản ứng chéo với mẫu Dengue, HBV, HCV, HEV, HIV, Malaria, TB...				
43	H.pylory Ab (Test nhanh)	Phát hiện các kháng thể IgG, IgA, IgM kháng H. pylori - Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy tương quan: 86,7%; Độ đặc hiệu tương quan: 91% Khay thử bao gồm: 1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori bao gồm cộng hợp vàng Cag-A (cộng hợp H. pylori) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát. 2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori không cộng hợp và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	300	25.250	
44	H.pylory Ag (Test nhanh)	Định tính phát hiện kháng nguyên H. pylori trong mẫu phân. - Độ nhạy tương quan: 96.7% - Độ đặc hiệu tương quan: 93.8% Khay bao gồm: 1) vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể kháng H. pylori (cộng hợp kháng H. pylori). 2) màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng	Test	50	52.000	

		thể kháng H. pylori và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Rotavirus, Adenovirus, Salmonella typhi...				
45	Test HIV	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người nhằm mục đích chẩn đoán lây nhiễm HIV - Tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 99.47% ; Độ đặc hiệu: 99.87% - Phân loại trang thiết bị y tế loại C hoặc loại D - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab.	Test	150	18.245	
46	Test thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu Strip-10 (URS-10) chuyên dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động. Gồm có 10 thông số: Bạch cầu / Nitrit / Urobilinogen / Protein / pH / Máu / SG / Ketone / Bilirubin / Glucose	Test	600		
47	Hoá chất nhuộm Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	Chai	2		
48	Thuốc nhuộm Ziel Neelsen	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue.	Bộ	6		

